

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HSST.
Ngày: 06/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Bê.

Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị S; Có vợ là chị Nguyễn Thị Hoàng O, bị cáo có 01 con sinh năm 2018; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21/7/2018 và chuyển tạm giam đến ngày 16/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bị hại:

1. Anh Hoàng Dục TH, sinh năm: 1990.

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Lâm Hồng H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo T, người bị hại anh H có mặt tại phiên tòa; người bị hại anh TH vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa năm 2017 (không nhớ rõ ngày, tháng) Nguyễn Hồng T lên mạng xã hội facebook truy cập vào địa chỉ “Nhóm xe không giấy” thỏa thuận giá cả mua xe về bán lại kiếm lời, sau khi thỏa thuận giá mua bán, T đến thành phố Hồ Chí Minh gặp người bán (không rõ nhân thân, lai lịch) mua xe không giấy tờ. Sau khi mua được xe T lên mạng xã hội facebook truy cập vào địa chỉ “Làm giấy tờ giả” thuê người (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 01 chứng minh nhân dân ghi tên Huỳnh Thu B, sinh ngày 29/9/1969, hộ khẩu thường trú T.M, H, B.H, Đồng Nai, số chứng minh nhân dân 270747928, cấp ngày 13/3/2007, nơi cấp Đồng Nai và 01 chứng minh nhân dân ghi tên Hoàng Văn L, sinh ngày 16/5/1994, Hộ khẩu thường trú khu T, ML, CG, Long An, số chứng minh nhân dân 302381055, cấp ngày 20/5/2012, nơi cấp Long An giá là 3.000.000 đồng. Đồng thời, T thuê người làm giấy chứng nhận đăng ký xe giả và biển số xe giả rồi truy cập vào mạng xã hội facebook ở địa chỉ “Chợ tốt Biên Hòa – Đồng Nai” đăng tin bán xe mô tô với nội dung “Bán xe không chính chủ, không sang tên được, lý do thanh lý trong tiệm cầm đồ, cần bán gấp nên bán giá rẻ” với thủ đoạn như trên Nguyễn Hồng T đã thực hiện các lần lừa đảo bán xe mô tô cụ thể như sau.

Lần thứ 01: Khoảng giữa năm 2017 (không nhớ rõ ngày, tháng) Nguyễn Hồng T gặp 01 người đàn ông (không rõ tên, tuổi, nơi ở) mua 01 xe mô tô biển số 60C1-717.39 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ghi tên Nguyễn Thị H, địa chỉ ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai) với giá 22.000.000 đồng, sau khi mua xe T phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ghi tên Nguyễn Thị H là giả nên T nảy sinh ý định lừa người khác để bán lại. T đăng tin bán xe mô tô biển số 60C1-717.39 trên mạng xã hội facebook với giá 24.000.000 đồng. Ngày

17/8/2017, anh Hoàng Dục TH thấy việc T đăng bán xe nên liên lạc bằng điện thoại với T để thỏa thuận việc mua bán. Khi gặp anh TH, T giới thiệu tên là Lê Danh N (kèm theo bản sao giấy chứng minh nhân ghi tên Lê Danh N), kèm theo giấy mua bán xe giả giữa Nguyễn Thị H với Lê Danh N. Khi anh TH đồng ý mua xe với giá 21.700.000 đồng thì T viết giấy mua bán xe ghi tên Lê Danh N để bán cho anh TH. Sau khi mua xe anh TH phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ghi tên Nguyễn Thị H là giả nên giao nộp xe mô tô biển số 60C1-717.39 trên cho cơ quan Công an và nộp đơn trình báo về vụ việc đến cơ quan Công an.

Lần thứ 02: Vào ngày 20/7/2018 thông qua mạng xã hội facebook Nguyễn Hồng T liên lạc với 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh mua 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (không biển số, không giấy chứng nhận đăng ký xe) với giá 20.000.000 đồng. Sau khi mua được xe T sử dụng biển số giả 60F2-452.79 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe giả ghi tên Huỳnh Thu B) và bản sao chứng minh nhân dân giả ghi tên Hoàng Văn L (tất cả đều được T thuê làm trước đó) đăng lên mạng xã hội facebook để lừa bán xe. Ngày 21/7/2018 anh Lâm Hồng H biết việc T bán xe mô tô nên liên lạc với T để thỏa thuận việc mua bán xe và hẹn địa điểm xem xe tại cây xăng AP thuộc Ấp T, xã AP, huyện T. Sau khi xem xe anh H đồng ý mua xe với giá 27.000.000 đồng nên T viết giấy bán xe cho anh H ghi tên người bán là Hoàng Văn L. Khi xem xe và giấy tờ kèm theo anh H nghi ngờ giấy tờ xe mô tô trên là giả và người bán không phải là người được ghi trong chứng minh nhân dân nên trình báo Cơ quan Công an mời Nguyễn Hồng T về làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số 389/KLGD ngày 31/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

1. Hình dấu tròn Công an tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn Công an tỉnh Long An; hình dấu tròn Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn Công an quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Văn K và hình dấu chữ ký mang tên Phan Chí T trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được phòng PC09 ghi ký hiệu A1, A2, từ A4 đến A8) với hình dấu tròn Công an tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn Công an tỉnh Long An; hình dấu tròn Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai; hình dấu tròn Công an quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Văn K và hình dấu chữ ký

mang tên Phan Chí T tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC09 ghi và đóng dấu ký hiệu từ M1 đến M17) không phải do cùng một con dấu trực tiếp đóng ra.

2. Hình dấu tròn Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được phòng PC09 ghi ký hiệu A3) với hình dấu tròn Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC09 ghi ký hiệu từ M8 đến M11) do cùng một con dấu trực tiếp đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn T trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được phòng PC09 ghi ký hiệu A3) với chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn T tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC09 ghi ký hiệu từ M8 đến M11) do cùng một người trực tiếp ký ra.

4. Chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn T, Trung tá Lê Mạnh H, Thiếu tá Trần Trọng T, Trung tá Lê Hoài P trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được phòng PC09 ghi ký hiệu từ A4 đến A8) với chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn T, Trung tá Lê Mạnh H, Thiếu tá Trần Trọng T, Trung tá Lê Hoài P tương ứng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC09 ghi và đóng dấu ký hiệu từ M8 đến M17) không phải do cùng một người trực tiếp ký ra. (bút lục 38-40)

Vật chứng, tài sản tạm giữ của T gồm: 01 chứng minh nhân ghi tên Hoàng Văn L; 01 chứng minh nhân ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-898.77 ghi tên Nguyễn Hồng T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-569.89 ghi tên Nguyễn Hồng D; 01 giấy đăng ký xe biển số 59E1-562.67 ghi tên Nguyễn Toàn T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60F2-452.79 ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 39T1-2107 ghi tên Nguyễn Hồng T; 01 con dấu ghi tên Phó chủ tịch Nguyễn Văn Q; 01 con dấu ghi tên Ủy ban nhân dân xã Long Phước; 01 xe mô tô hiệu SH mode biển số 60C1-849.79; 01 xe hiệu Winer gắn biển số 60C1-867.79; 01 điện thoại di động hiệu Oppo; 01 điện di động hiệu Nokia; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 60F2-452.79; 01 giấy chứng minh nhân dân ghi tên Hoàng Văn L số 302381055 (bản phô tô); số tiền 27.000.000 đồng. Thu giữ của anh Hoàng Dục TH 01 xe mô tô hiệu Honda Vison gắn biển số 60C1-717.39 kèm theo 01 giấy đăng ký xe ghi tên Nguyễn Thị H và 01 chứng minh nhân ghi tên Lê Danh N (bản phô tô). Ngoài ra ngày 03/8/2018 bà Đỗ Ngọc T tự nguyện nộp số tiền 21.700.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị can T.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, bị cáo Nguyễn Hồng T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình (bút lục số 13-57) phù hợp với lời khai người bị hại (bút lục 70, 71, 77) cùng các tài liệu, vật chứng và chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 10/CT -VKS, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 03 năm cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xét.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Đề nghị Tòa án tịch thu để tiêu hủy 01 chứng minh nhân ghi tên Hoàng Văn L; 01 chứng minh nhân ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-898.77 ghi tên Nguyễn Hồng T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-569.89 ghi tên Nguyễn Hồng D; 01 giấy đăng ký xe biển số 59E1-562.67 ghi tên Nguyễn Toàn T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60F2-452.79 ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-717.39 ghi tên Nguyễn Thị H; 01 con dấu ghi tên Ủy ban nhân xã Long Phước và 01 con dấu ghi tên phó chủ tịch Nguyễn Văn Q. Đề nghị tịch thu để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội. (Toàn bộ số vật chứng nêu trên được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành tiếp tục tạm giữ).

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số giả 60C1-717.39 có số máy J58E0181057, số khung 5808EY180986 có biển số thật là 64D1-240.87 do chị Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm 1994, trú tại Ấp BL, xã QT, VL, Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/7/2017 chị M bị mất trộm xe mô tô trên tại xã BH, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Nên ngày 15/12/2017 Công an huyện Long Thành đã bàn giao xe mô tô trên cho Công an huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền (bút lục 86).

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển số giả 60F2-452.79 có số máy G3D4E277847 số khung RLCUG0610GY264743, có biển số thật là 83P2-724.57 do anh Quách Hữu Đ, sinh năm 1998, trú tại ấp B, thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng đứng tên chủ sở hữu. Ngày 20/7/2018 anh Đ bị mất trộm xe mô tô trên tại phường MH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Nên ngày 02/10/2018 Công an huyện Long Thành đã bàn giao xe mô tô trên cho Công an quận BT, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền (bút lục 94).

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH mode gắn biển số giả 60C1-849.79 có số máy JF51E0389768 số khung RLHJF5113FY117542, có biển số thật là 63B1-556.48 do ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1966, trú tại ấp HP, xã MB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Ngày 05/8/2017 ông Đ bị mất trộm xe mô tô trên tại phường ĐHT, quận MH, thành phố Hồ Chí Minh. Nên ngày 22/10/2018 Công an huyện Long Thành đã bàn giao xe mô tô trên cho Công an quận MH, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền (bút lục 104).

Đối với xe mô tô hiệu Honda Winner gắn biển số giả 60C1-867.79 có số máy KC26E1135807 số khung RLHKC2608GY099505, có biển số thật là 70G1-579.51 do anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1997, trú tại khu phố B, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh đứng tên chủ sở hữu. Tháng 5/2018 (không nhớ ngày) tại phường M, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh, anh M cho một người bạn tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) mượn xe mô tô trên, sau đó T chiếm đoạt xe của anh M. Sau khi bị T chiếm đoạt xe mô tô anh M không trình báo cho Công an quận TB, thành phố Hồ Chí Minh biết sự việc, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận TB, thành phố Hồ Chí Minh từ chối tiếp nhận xe mô tô trên để điều tra. Nên ngày 08/11/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại xe mô tô trên cho anh M (bút lục 125).

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 39T1-2107 ghi tên Nguyễn Hồng T, qua giám định là giấy chứng nhận đăng ký xe thật, xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho T (bút lục 123).

Riêng số tiền 21.700.000 đồng người thân của bị cáo T giao nộp cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho anh Hoàng Dục TH (bút lục 66) và số tiền 27.000.000 đồng thu giữ khi T lừa đảo để bán xe mô tô cho anh Lâm Hồng H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho anh H (bút lục 124).

Đối với 01 chứng minh nhân ghi tên Lê Danh N số 241595192 (bản phô tô) và 01 giấy chứng minh nhân dân ghi tên Hoàng Văn L số 302381055 (bản phô tô) là tài liệu chuyển kèm theo trong hồ sơ vụ án (bút lục 60, 74).

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 07/12/2017 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành. So sánh đối chiếu với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt giống nhau. Do đó, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng T khai nhận:

Khoảng giữa năm 2017 (không nhớ rõ ngày, tháng) sau khi bị cáo Nguyễn Hồng T nảy sinh ý định lừa người khác để bán xe lấy tiền. Sau đó, bị cáo T đã đăng tin bán 01 xe mô tô biển số 60C1-717.39 trên mạng xã hội facebook với giá 24.000.000 đồng. Ngày 17/8/2017 anh Hoàng Dục TH thấy việc T đăng bán xe nên liên lạc bằng điện thoại với T để thỏa thuận việc mua bán. Khi gặp anh TH,

T giới thiệu tên là Lê Danh N (kèm theo bản sao giấy chứng minh nhân ghi tên Lê Danh N) kèm theo giấy mua bán xe giả giữa Nguyễn Thị H với Lê Danh N. Khi anh TH đồng ý mua xe với giá 21.700.000 đồng thì T viết giấy mua bán xe ghi tên Lê Danh N để bán cho anh TH. Lần thứ hai, vào ngày 20/7/2018 thông qua mạng xã hội facebook Nguyễn Hồng TH liên lạc với 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh mua 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (không biển số, không giấy chứng nhận đăng ký xe) với giá 20.000.000 đồng. Sau khi mua được xe T sử dụng biển số giả 60F2-452.79, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe giả ghi tên Huỳnh Thu B và bản sao chứng minh nhân dân giả ghi tên Hoàng Văn L (tất cả đều được T thuê làm trước đó) đăng lên mạng xã hội facebook để lừa bán xe. Ngày 21/7/2018 anh Lâm Hồng H biết việc T bán xe mô tô nên liên lạc với T để thỏa thuận việc mua bán xe và hẹn địa điểm xem xe tại cây xăng AP thuộc Ấp T, xã AP, huyện T. Sau khi xem xe anh H đồng ý mua xe với giá 27.000.000 đồng nên T viết giấy bán xe cho anh H ghi tên người bán là Hoàng Văn L để bán xe cho anh H. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây nguy hiểm cho xã hội. Mặt khác, gây ảnh hưởng xấu về an ninh và trật tự công cộng, là nguyên nhân cho các hành vi phạm tội khác. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương đương điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, trong thời gian tại ngoại bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật tốt xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà áp dụng

hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về khấu trừ một phần thu nhập: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần tịch thu để tiêu hủy 01 chứng minh nhân ghi tên Hoàng Văn L; 01 chứng minh nhân ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-898.77 ghi tên Nguyễn Hồng T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-569.89 ghi tên Nguyễn Hồng D; 01 giấy đăng ký xe biển số 59E1-562.67 ghi tên Nguyễn Toàn T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60F2-452.79 ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-717.39 ghi tên Nguyễn Thị H; 01 con dấu ghi tên Ủy ban nhân xã Long Phước và 01 con dấu ghi tên phó chủ tịch Nguyễn Văn Q. Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số giả 60C1-717.39 có số máy J58E0181057, số khung 5808EY180986, có biển số thật là 64D1-240.87 do chị Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm 1994, trú tại ấp BL, xã QT, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/7/2017 chị M bị mất trộm xe mô tô trên tại xã BH, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 15/12/2017 Công an huyện Long Thành đã bàn giao xe mô tô trên cho Công an huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển số giả 60F2-452.79, có số máy G3D4E277847, số khung RLCUG0610GY264743, có biển số thật là 83P2-724.57 do anh Quách Hữu Đ, sinh năm 1998, trú tại Ấp B, thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng đứng tên chủ sở hữu. Ngày 20/7/2018 anh Đ bị mất trộm xe mô tô trên tại phường MH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 02/10/2018 Công an huyện Long Thành đã bàn giao xe mô tô trên cho Công an quận BT, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda SH mode gắn biển số giả 60C1-849.79, có số máy JF51E0389768, số khung RLHJF5113FY117542, có biển số thật là 63B1-556.48 do ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1966, trú tại ấp HP, xã MB, huyện

CB, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Ngày 05/8/2017 ông Đ bị mất trộm xe mô tô trên tại phường ĐHT, quận MH, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/10/2018 Công an huyện Long Thành đã bàn giao xe mô tô trên cho Công an quận 12, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Winner gắn biển số giả 60C1-867.79, có số máy KC26E1135807, số khung RLHKC2608GY099505, có biển số thật là 70G1-579.51 do anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1997, trú tại khu phố B, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh đứng tên chủ sở hữu. Tháng 5/2018 (không nhớ ngày) tại phường M, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh anh M cho một người bạn tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) mượn xe mô tô trên, sau đó T chiếm đoạt xe của anh M. Sau khi bị T chiếm đoạt xe mô tô anh M không trình báo cho Công an quận TB, thành phố Hồ Chí Minh biết sự việc, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận TB, thành phố Hồ Chí Minh từ chối tiếp nhận xe mô tô trên để điều tra. Nên ngày 08/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại xe mô tô trên cho anh M.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 39T1-2107 ghi tên Nguyễn Hồng T, qua giám định là giấy chứng nhận đăng ký xe thật, xét không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho T.

- Đối với số tiền 21.700.000 đồng người thân của bị cáo T giao nộp cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho anh Hoàng Dục TH (bút lục 66) và số tiền 27.000.000 đồng thu giữ khi T lừa đảo để bán xe mô tô cho anh Lâm Hồng H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho anh H.

- Đối với 01 chứng minh nhân ghi tên Lê Danh N số 241595192 (bản photo) và 01 giấy chứng minh nhân ghi tên Hoàng Văn L số 302381055 (bản photo) là tài liệu chuyển kèm theo trong hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Hoàng Dục TH và anh Lâm Hồng H đã nhận lại tiền mua xe và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; Điều 31; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 03 năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam là 27 ngày (từ ngày 21/7/2018 đến ngày 16/8/2018) bằng 81 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo T còn phải chấp hành là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng 09 (chín) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu để tiêu hủy 01 chứng minh nhân ghi tên Hoàng Văn L; 01 chứng minh nhân ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-898.77 ghi tên Nguyễn Hồng T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-569.89 ghi tên Nguyễn Hồng D; 01 giấy đăng ký xe biển số 59E1-562.67 ghi tên Nguyễn Toàn T; 01 giấy đăng ký xe biển số 60F2-452.79 ghi tên Huỳnh Thu B; 01 giấy đăng ký xe biển số 60C1-717.39 ghi tên Nguyễn Thị H; 01 con dấu ghi tên Ủy ban nhân xã Long Phước và 01 con dấu ghi tên phó chủ tịch Nguyễn Văn Q.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia là phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

(Hiện vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/12/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hồng T, người bị hại anh Lâm Hồng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Hoàng Dục TH có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- NTG CA H.Long Thành (2);
- CQĐT CAH.Long Thành (1);
- CCTHADS H.Long Thành (1);
- UBND xã Đ (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (2);
- Lưu (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Hoàng